

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 19-02-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Chiến.

2. Ông Trần Châu Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T (UP), sinh năm: 1977, địa chỉ: Ấp TS, xã TG, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1976, địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn ND, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim M, sinh năm: 1985, địa chỉ: Ấp TS, xã TG, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986, địa chỉ: Ấp TS, xã TG, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P có mặt; bà M và ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2019, bản khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Do là chỗ quen biết với nhau nên bà Nguyễn Thị T (tên thường gọi UP) cho bà Lê Thị Kim M và ông Nguyễn Văn T vay tiền hai lần:

- Lần 1: Ngày 01/8/2018, bà T cho bà M, ông T vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để làm vốn kinh doanh cho gia đình, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn trả tiền là khi nào bà T có nhu cầu thu hồi nợ thì báo trước 10 ngày, bà M là người nhận tiền và viết giấy nhận nợ.

- Lần 2: Ngày 10/9/2018, bà T cho bà M, ông T vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để làm vốn kinh doanh cho gia đình, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn trả tiền là khi nào bà T có nhu cầu thu hồi nợ thì báo trước 10 ngày, bà M là người nhận tiền và viết giấy nhận nợ.

Tuy nhiên, từ khi vay tiền cho đến nay bà M và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi, mặc dù bà T đã nhiều lần thông báo cho bà M, ông T để thu hồi nợ.

Do đó, nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Lê Thị Kim M và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 500.000.000 đồng. Về tiền lãi, trong đơn khởi kiện và bản tự khai bà T yêu cầu tính tiền lãi nhưng tại phiên tòa bà T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Kim M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị M và anh T vắng mặt không lý do nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng pháp luật tố tụng xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, cụ thể: Buộc bà Lê Thị Kim M và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 500.000.000 đồng, do bà T không yêu cầu tính tiền lãi nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà với bà Lê Thị Kim M và ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp TS, xã TG, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Lê Thị Kim M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M, ông T.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim M và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đã vay là 500.000.000 đồng.

Bà T căn cứ vào giấy có nội dung:

“Ngày 1/8 M có mượn của chị UP 300.000.000 (ba trăm triệu chẵn)

Ngày 10/9/2018 M có mượn của chị UP 200.000.000 (Hai trăm triệu chẵn)” có chữ ký và chữ viết họ tên “Lê Thị Kim M” của bà Lê Thị Kim M để khởi kiện.

Ngày 09/9/2019, bà T có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Lê Thị Kim M đối với các giấy nhận nợ nêu trên. Căn cứ vào Kết luận giám định số 313/2019/GĐTL ngày 16/11/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre xác định chữ ký, chữ viết họ tên “Lê Thị Kim M” trong giấy nhận nợ nêu trên là do bà M ký tên và viết họ tên. Từ chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận việc bà M có vay tiền của bà T tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận, buộc bà M có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay là 500.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu buộc ông T cùng bà M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 500.000.000 đồng, thấy rằng: Số tiền vay này phát sinh trong thời kỳ bà M và ông T là vợ chồng và đang sống chung với nhau, cùng phát triển kinh tế gia đình bằng nghề kinh doanh dịch vụ xe du lịch và bà M còn làm đầu thảo hụi, bà M và ông T không có thời gian sống ly thân và ly hôn, nội dung được thể hiện tại biên bản xác minh ngày 10/02/2020 (BL số). Đồng thời, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc vay tiền của bà M nhằm phục vụ cho mục đích cá nhân của bà M nên có cơ sở buộc ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà M trả nợ cho bà T.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho M và ông T nhưng bà M và ông T không gửi cho Tòa án văn bản nào trình bày ý kiến, yêu

cầu về việc áp dụng pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án cũng như không tham gia các lần hòa giải.

Bà T không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí trưng cầu giám định là 1.350.000 đồng. Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà M phải chịu chi phí thu thập chứng cứ là 1.350.000 đồng. Bà T đã nộp số tiền tạm ứng là 1.350.000 đồng nên bà M có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 1.350.000 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà M và ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.000.000 đồng.

Trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.140.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 162, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Lê Thị Kim M và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí thu thập chứng cứ: Bà Lê Thị Kim M phải chịu chi phí thu thập chứng cứ là 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Do bà Nguyễn Thị T đã nộp số tiền tạm ứng là 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) nên bà Lê Thị Kim M có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Kim M và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 13.140.000 đồng (Mười ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002442 ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân